ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 53 /2021/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 466/TTr-SNN ngày 18 tháng 10 năm 2021 (kèm Báo cáo số 1352/BC-SNN ngày 18 tháng 10 năm 2021) và ý kiến của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: NC, TH, NNTN (GiQP);
- Lưu: VT, Ktr48/01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về một số nội dung, mức hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định công nhận.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Quy định này không áp dụng hỗ trợ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ các chương trình khác trùng với các quy định tại Quyết định này.

2. Nhà nước hỗ trợ bằng hình thức hỗ trợ một phần; trình tự, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Ưu tiên hỗ trợ các ngành nghề, làng nghề nông thôn: Có nguy cơ mai một, thất truyền; có thị trường tiêu thụ tốt; gắn với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; gắn với việc bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa.

Điều 4. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các nội dung hoạt động ngành nghề nông thôn được hỗ trợ theo quy định này phải phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 5. Thời gian xét công nhận các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Trong thời hạn 17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Hội đồng cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Chương II
NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

Điều 6. Mức hỗ trợ kinh phí di dời

1. Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển di dời, lắp đặt cho các cơ sở ngành nghề nông thôn khi di chuyển đến địa điểm quy hoạch trong phạm vi của huyện 12.000.000 đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển di dời, lắp đặt cho các cơ sở ngành nghề nông thôn khi di chuyển đến địa điểm quy hoạch ngoài phạm vi của huyện nhưng vẫn trong phạm vi của tỉnh 15.000.000 đồng/cơ sở.

3. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 7. Mức hỗ trợ đào tạo nhân lực

1. Hỗ trợ một phần chi phí lớp học cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở lớp truyền nghề theo quy định, mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/lao động/khóa học (dưới 03 tháng).

2. Hỗ trợ đào tạo theo hình thức kèm cặp, truyền nghề của nghệ nhân, thợ thủ công được quyết toán theo số lượng thực tế với mức hỗ trợ 200.000 đồng/ngày nhưng không quá 90 ngày/khóa đào tạo.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án có liên quan và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 8. Mức hỗ trợ phát triển làng nghề

1. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận (chỉ hỗ trợ 01 lần):

a) Nghề truyền thống được công nhận: 20 triệu đồng.

b) Làng nghề được công nhận: 25 triệu đồng.

c) Làng nghề truyền thống được công nhận: 30 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực làng nghề, ngành nghề nông thôn.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Hằng năm xây dựng kế hoạch, tổng hợp nhu cầu kinh phí, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Hằng năm, cung cấp danh sách các làng nghề dự kiến xem xét, công nhận cho các sở, ngành có liên quan để tổ chức đánh giá theo tiêu chí chuyên ngành, làm cơ sở xét công nhận làng nghề.

đ) Tiếp nhận ý kiến đóng góp và báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định các nội dung cho phù hợp. Theo dõi, tổng hợp, tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo đánh giá tình hình kết quả thực hiện chính sách về Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan theo định kỳ hàng năm và đột xuất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức đánh giá, phân loại các làng nghề trên địa bàn tỉnh theo mức độ ô nhiễm môi trường định kỳ 02 năm/lần, làm cơ sở xem xét, công nhận làng nghề và phối hợp với các đơn vị có liên quan công bố trên phương tiện thông tin, truyền thông tại địa phương về Danh mục làng nghề được đánh giá, phân loại theo mức độ ô nhiễm môi trường theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Chủ trì hướng dẫn các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định pháp luật về đất đai; tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho phát triển làng nghề nông thôn trong quy hoạch sử dụng đất.

3. Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và sở, ngành có liên quan tham mưu cân đối, phân bổ kế hoạch vốn hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tổng hợp, báo cáo các hình thức tổ chức kinh tế tập thể tham gia xây dựng, phát triển các sản phẩm ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề của các tổ chức, cá nhân phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách đào tạo nghề theo quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các điều kiện về tổ chức dạy nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia dạy nghề theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát và tổng hợp, báo cáo tình hình kết quả thực hiện đào tạo nghề, truyền nghề về Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chức năng theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì rà soát, lồng ghép kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn theo kế hoạch hằng năm.

b) Hướng dẫn, quản lý việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

7. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan rà soát, cập nhật, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới gắn với phát triển các làng nghề, nhằm huy động nguồn lực để phát triển các làng nghề.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ động nghiên cứu, kết nối các hoạt động du lịch gắn với tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm làng nghề, nghề truyền thống.

9. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá, xác định các cơ sở ngành nghề nông thôn gây ô nhiễm môi trường, đề xuất đưa đến địa điểm quy hoạch theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hỗ trợ đưa các sản phẩm làng nghề, nghề truyền thống vào các khu du lịch, điểm dừng chân, khu dân cư, các trung tâm thương mại, siêu thị; quảng bá các sản phẩm làng nghề trên các phương tiện thông tin, truyền thông, các phương tiện công cộng; tổ chức và tham gia hội chợ sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn.

10. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh Cà Mau

Hỗ trợ, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân vay vốn ưu đãi thực hiện các dự án phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

11. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan tuyên truyền, vận động, thành lập, củng cố các hình thức tổ chức kinh tế tập thể tham gia xây dựng, phát triển các sản phẩm ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

12. Các sở, ban, ngành có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cơ chế, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn, thực hiện có hiệu quả việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thông qua các chương trình, dự án về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn theo quy định.

2. Rà soát, thống kê, phân loại, đánh giá tình hình các nghề, làng nghề để xây dựng kế hoạch phù hợp với yêu cầu thực tiễn; tổng hợp dự toán kinh phí phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

4. Rà soát, lập hồ sơ các nghề, làng nghề đủ tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận theo quy định; tổ chức, quản lý việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống trên địa bàn.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phổ biến, tuyên truyền chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ, tổ chức bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan chức năng về phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.